TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

 **KHOA Y**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT TỔNG HỢP**

**Đối tượng: Y SĨ.**

**MÔN BỆNH TRUYỀN NHIỄM**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tênbài** |
| 1 | Chẩn đoán bệnh truyền nhiễm dựa vào các yếu tố nào? (BàiĐạicươngvềbệnhtruyềnnhiễm) |
| 2 | Tả |
| 3 | Lỵ trực trùng |
| 4 | Lỵ amip |
| 5 | Sởi |
| 6 | Uốn ván |
| 7 | Viêm màng não mủ |
| 8 | Viêm gan siêu vi |
| 9 | Sốt xuất huyết – Dengue |
| 10 | Quai bị |
| 11 | Sốt rét |
| 12 | Nhiễm HIV/AIDS |
| 13 | Viêm não Nhật Bản |
| 14 | Thủy đậu |
| 15 | Sốc nhiễm trùng |
| 16 | Rubella |

**Ghichú:** Đã bỏ 9 bài.

**MÔN SỨC KHỎE SINH SẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Chẩn đoán thai, quản lý thai. |  |
| 2. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt. |  |
| 3. Các dấu hiệu chuyển dạ, theo dõi, chăm sóc chuyển dạ. |  |
| 4. Theo dõi, chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh sau đẻ. |  |
| 5. Suy thai, hồi sức thai ngạt.  |  |
| 6. Chấn thương đường sinh dục do cuộc đẻ. |  |
| 7. Tiền sản giật, sản giật. |  |
| 8. Vỡ tử cung. |  |
| 9. Chảy máu sau đẻ. |  |
| 10. Nhiễm trùng sau đẻ. |  |
| 11. Đại cương về các bệnh phụ khoa thường gặp. |  |
| 12. Viêm âm hộ, viêm âm đạo. |  |

**MÔN SỨC KHỎE TRẺ EM**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tênbài** |
| 1 | Xử trí lồng ghép trẻ bệnh |
| 2 | Tiêu chảy cấp |
| 3 | Nhiễm khuẩn hô hấp cấp và chương trình phòng chống |
| 4 | Viêm phổi |
| 5 | Hội chứng thận hư |
| 6 | Suy dinh dưỡng |
| 7 | Còi xương do thiếu vitamin B |
| 8 | Vàng da sơ sinh |
| 9 | Ăn dặm |
| 10 | Nuôi con bằng sữa mẹ |

**MÔN BỆNH NGOẠI**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tênbài** |
| 1 | Viêm phúc mạc |
| 2 | Tắc ruột |
| 3 | Viêm ruột thừa |
| 4 | Lồng ruột |
| 5 | Sỏi ống mật chủ |

**MÔN BỆNH NỘI**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tênbài** |
| 1 | Viêm phổi |
| 2 | Tăng huyết áp |
| 3 | Loét dạ dày tá tràng |
| 4 | Hen phế quản |
| 5 | Tai biến mạch máu não |
| 6 | Viêm khớp dạng thấp |
| 7 | Suy tim |

**MÔN GIẢI PHẪU SINH LÝ**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tênbài** |
| 1 | Hệ xương - khớp |
| 2 | Cơ – mạch máu – thần kinh vùng đầu, mặt, cổ và thân mình |
| 3 | Cơ – mạch máu – thần kinh chi trên và chi dưới |
| 4 | Hệ thần kinh |
| 5 | Hệ tuần hoàn |
| 6 | Hệ hô hấp |
| 7 | Hệ tiêu hóa |
| 8 | Hệ tiết niệu |

TiềnGiang, ngày 08 tháng 7 năm 2016

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Văn Tư**